

TRỐNG ĐỒNG SƠN VÀ CÁC DI TÍCH THỜ THẦN ĐỒNG CỔ

NGUYỄN SỸ TOÀN

Tóm tắt

Trống đồng là di sản văn hóa vô giá của dân tộc ta. Việt Nam là một trong số ít các nước có nhiều trống đồng, nhất là trống Đông Sơn (loại I Heger), nhiều chiếc được phát hiện ngay trong lòng đất. Ngoài tư liệu khảo cổ, các tư liệu về di sản văn hóa cũng cho thấy vai trò của trống đồng rất quan trọng đối với người Việt. Hiện nay, có nhiều đền thờ gắn với trống đồng, trong đó Đền Đồng Cổ ở Đan Nê (Thanh Hóa) và Đền Đồng Cổ ở phố Thụy Khuê (Hà Nội) là hai ngôi đền nổi tiếng và được nhiều người biết đến. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là các ngôi đền này thờ thần trống đồng hay thờ thần núi gắn với trống đồng thì cần phải được làm sáng rõ và đề xuất các giải pháp bảo tồn phù hợp.

Từ khóa: Trống Đông Sơn, di tích, thần Đồng Cổ

Abstract

Bronze drum is a priceless cultural heritage of our nation. Vietnam is one of the few countries which has many bronze drums, especially Dong Son drums (type I Heger), many of them have been found under the ground. In addition to archaeological materials, cultural heritage materials also showed that the role of the bronze drum is important to the Vietnamese people. Now there are many temples attached to the bronze drums, of which Dong Co Temple in Dan Ne (Thanh Hoa) and Dong Co Temple in Thuy Khue Street (Hanoi) are two well-known temples. However, it is important to clarified that the temples worship the bronze drum or the mountain gods associated with the bronze drum then propose appropriate conservation solutions.

Keywords: Dong Son drum, vestige, Dong Co god

1. Vài nét về đặc điểm trống Heger và trống Đông Sơn

1.1. Trống Heger

Để hiểu về trống Đông Sơn thì nhất thiết phải hiểu đặc điểm các loại trống đồng theo cách phân loại của Heger. Trống đồng là di sản văn hóa độc đáo được sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài. Từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu về trống đồng đã được công bố. Các công trình này tiếp cận khai thác trống đồng ở nhiều góc độ khác nhau, từ việc xác định nguồn gốc,

cách thức phân loại cho đến giá trị khoa học và công dụng của trống đồng. Trong các tác giả nghiên cứu phân loại về trống đồng, học giả người Đức gốc Áo là Heger đã được giới học thuật ghi nhận là người thành công nhất. Trong tác phẩm "Những trống kim khí ở Đông Nam Á" được công bố năm 1902 bằng chữ Đức, trên cơ sở nghiên cứu 165 chiếc trống và căn cứ vào đặc điểm hình dáng, ông đã phân chia thành bốn loại chính theo diễn biến thời gian từ sớm đến muộn (2). Dưới đây là đặc điểm nhận dạng bốn loại trống trống theo cách phân loại của Heger:

Trống loại I (Heger I), đặc điểm hình dáng trống được chia làm ba phần (tang, thân, chân - đế). Tang trống phình hình tròn, thân thon hình trụ, chân (đế) choãi hình nón cụt. Mặt trống thường trùng khít với tang trống, trống có hai đôi quai kép nơi tiếp giáp giữa phần tang và phần thân trống. Trên rìa mặt các nhóm trống muện của loại I xuất hiện bốn khối tượng cóc. Mặt trống thường có bốn phần hoa văn (tính từ trong ra ngoài): phần thứ nhất (chính giữa) là hoa văn ngôi sao (mặt trời) thường có 12 cánh, phần hai và phần bốn là hoa văn hình học, phần ba là hoa văn chủ đạo (hình người, chim, hươu...).

Trống loại II (Heger II), đặc điểm hình dáng cơ bản vẫn chia làm ba phần, phần tang trống hơi phình hình tròn, phần thân và phần chân (đế) được ngăn cách bởi một đường gờ nổi. Trống có bốn quai nhỏ, tròn trên phần tang trống. Mặt trống chồm khỏi tang từ 1-2 cm. Rìa mặt trống có bốn khối tượng cóc (có khi 2-3 con chồng lên nhau). Ngôi sao giữa mặt trống thường 8 hoặc 12 cánh nhỏ, mảnh không mập như cánh sao trống loại I. Hoa văn trống loại II chủ yếu là hoa văn hình học có tính chất lặp đi lặp lại.

Trống loại III (Heger III), đặc điểm hình dáng chia làm hai phần. Phần tang trống là một đoạn hình viên trụ ngắn, đến thân đột nhiên thon lại và kéo dài xuống chân (đế) trống. Các phần trên thân trống rất khó phân biệt và chỉ thể hiện qua hình thức trang trí. Trống loại III có bốn quai nơi tiếp giáp giữa phần tang và phần thân, quai dẹt có rỗng về hai đầu, có lỗ thủng hình tam giác. Hoa văn hình học trên mặt, tang và thân thường là có ba vòng tròn nhỏ chạy sát vào nhau, sau đó cách ra một đoạn lại có ba vòng tròn khác cứ như vậy phủ khắp tang, thân và chân trống.

Trống loại IV (Heger IV), hình dáng cơ bản gồm hai phần, phần tang trống, phần thân và chân trống nhập làm một. Phân cách giữa tang với phần thân và chân là một đường gờ nổi cao. Mặt trống thường trùng khít tang trống, chính giữa mặt trống thường là ngôi sao 12 cánh mập như loại I, trống loại IV có bốn quai to nằm chủ yếu trên phần tang kéo sát đến nơi giao nhau giữa phần tang và phần thân. Hoa

văn trang trí phần nhiều là những mẫu hình động vật, có khi có cả chữ Hán, Heger gọi loại này là trống Trung Quốc, vì tìm thấy nhiều ở vùng Hoa Nam.

1.2. Trống Đông Sơn

Năm 1924 phát hiện dấu tích đầu tiên của văn hóa Đông Sơn tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi khai quật di tích Đông Sơn các nhà khảo cổ đã phát hiện rất nhiều hiện vật đồng thuộc nền văn hóa này. Trong đó, đặc biệt phát hiện trống đồng, di vật rất độc đáo này đã góp phần quan trọng định vị lại bản đồ phân bố trống đồng trong tư duy của nhiều nhà nghiên cứu trống đồng ở thời điểm đó. Đa số các nhà nghiên cứu nước ngoài cố tình đi tìm nguồn gốc trống đồng bên ngoài Việt Nam, nhất là các nhà khảo cổ học Thụy Điển vì họ không cho rằng hơn hai nghìn năm trước cư dân trên dải đất chữ S này có thể sáng tạo được loại di vật độc đáo và đặc sắc về kỹ thuật và nghệ thuật như vậy. Heger thì ngược lại, ông cho rằng miền Bắc Việt Nam là một trong những cái nôi sản xuất trống đồng sớm nhất. Trống đồng khai quật và phát hiện ở Việt Nam thuộc văn hóa Đông Sơn có đặc điểm hình dáng, hoa văn trang trí tương đồng với trống loại I theo phân loại của Heger. Trải qua nhiều lần hội thảo khoa học bàn về trống đồng, hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng có thể đồng nhất trống loại I (Heger I) với trống Đông Sơn hay nói cách khác trống Đông Sơn chính là trống loại I theo cách phân loại trống đồng của Heger.

Căn cứ vào diễn biến hình dáng và hoa văn, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã phân loại trống Đông Sơn thành các nhóm và các kiểu trống trong từng nhóm. Có nhiều quan điểm trong việc phân loại trống Đông Sơn thành các nhóm. Thực tế có nhà nghiên cứu chia thành hai nhóm, trong khi một số nhà nghiên cứu khác lại chia thành 05 nhóm, trong đó nhóm IV có niên đại hậu văn hóa Đông Sơn, nhưng vẫn mang truyền thống kỹ thuật sản xuất trống Đông Sơn truyền thống (2). Thiết nghĩ, chỉ dùng lại ở nhóm IV, niên đại của nhóm này vẫn thuộc niên đại văn hóa Đông Sơn là hợp lý và có cơ sở khoa học. Có thể khái quát về đặc điểm các nhóm trống Đông Sơn như sau:

Trống nhóm I có hình dáng chia ba phần cân đối hài hòa (tang phình, thân thon, đế choãi), dáng trống đẹp, trống có kích thước lớn, hoa văn trang trí theo lối tả thực được phủ kín khắp mặt, thân và thậm chí có cả hoa văn hình học ở chân (đế) trống. Trên mặt trang trí bốn phần hoa văn, tính từ trong ra ngoài thì chính giữa là hoa văn ngôi sao, phần hai và phần bốn là hoa văn hình học, phần ba là hoa văn chủ đạo gồm ba vành hoa văn chủ đạo (gồm hoa văn người hóa trang lông chim, nhà sàn, hươu, chim bay ngược chiều kim đồng hồ), rìa mặt trống chưa xuất hiện tượng cóc.

Trống nhóm II hình dáng cũng chia ba phần nhưng không hài hòa cân đối như nhóm I. Kích thước nhỏ hơn trống nhóm I, có thể dễ dàng nhận thấy các trống thuộc dòng trống lưng thẳng dáng trống cao hơn và các trống lưng choãi dáng trống thấp hẳn. Hoa văn trang trí sang nhóm II giảm nhiều, phần ba trên mặt trống chỉ còn hai vành hoa văn. Trên tang trống thường trang trí hình thuyền nhưng không có người, rìa mặt không có tượng cóc.

Trống nhóm III, đến nhóm này hình dáng cũng chia ba phần và trở lại cân đối hài hòa như nhóm I. Trống nhóm III có kích thước lớn, hoa văn trang trí giảm dần yếu tố tả thực mà theo lối cách điệu hóa. Hoa văn hình người ở nhóm I sang đến nhóm III cách điệu hóa biến thành văn cờ. Đặc biệt trống nhóm III xuất hiện nhiều hoa văn hình học mới và rìa mặt trống đã xuất hiện bốn khối tượng cóc. Vì vậy, khi nghiên cứu giám định yếu tố tượng cóc này rất dễ bị nhầm lẫn với trống Heger II và Heger III.

Trống nhóm IV, hình dáng cũng chia ba phần, nhưng xét về thẩm mỹ thì đây là nhóm có hình dáng và hoa văn trang trí không đẹp như các nhóm trên. Hình dáng nhìn xa như chiếc nổi đồng lật úp xuống, phần tang ngắn, thân và chân dài và choãi nên trống có dáng thấp và không cân đối. Hoa văn trang trí chiếm khoảng một nửa diện tích mặt trống, Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao (cánh nhỏ hoặc không có cánh sao) nổi như hình mặt trời, niên đại muộn nhất so với các nhóm trống Đông Sơn.

Hiện nay trên cả nước đã phát hiện, nghiên cứu và thống kê được hàng trăm chiếc trống

Đông Sơn (Heger I). Các trống đồng này không chỉ được lưu giữ, bảo quản trưng bày trong các bảo tàng và trong nhân dân, mà còn ăn sâu trong đời sống văn hóa tâm linh của người Việt, được tôn thờ ở nhiều di tích tín ngưỡng tôn giáo. Trống đồng thực sự là nguồn di sản - tài sản văn hóa quý giá của dân tộc ta.

2. Các di tích thờ thần Đồng Cổ

Hiện nay có khá nhiều di tích gắn với việc thờ thần trống đồng được biết đến ở Hà Nội và Thanh Hóa. Dưới đây chúng tôi lần lượt điểm qua một số di tích như sau:

Đền Đồng Cổ ở Đan Nê: Đền Đồng Cổ ở Đan Nê (xã Yên Thọ, huyện Yên Định, Thanh Hóa) là ngôi đền thờ thần Đồng Cổ (thần trống đồng) sớm nhất nước ta. Có thể ngôi đền này có trước thời Lý. Hiện nay, tại đền Đồng Cổ Đan Nê còn lưu giữ được một số sắc phong và thần phả liên quan đến thần trống đồng. Năm 1975, Trịnh Sinh đến điều tra thám sát tại núi Tam Thai, nơi có đền Đồng Cổ, đã thấy nhiều gổm thô giai đoạn Tiền Đông Sơn trên các sườn núi đá vôi tại đây. Ngoài ra, dưới chân núi Tam Thai còn có tầng văn hóa của di chỉ văn hóa Đông Sơn. Như vậy, núi Tam Thai và đền Đồng Cổ ở Đan Nê là vùng đất đã có cư dân Tiền Đông Sơn và Đông Sơn cư trú. Vùng đất Yên Định nói riêng và Thanh Hóa nói chung là nơi tìm thấy khá nhiều trống Đông Sơn, trống Mường. Đền Đồng Cổ tại Đan Nê là đền thờ thần trống đồng sớm nhất ở nước ta có sự tích, có thư tịch chép lại và ở giữa vùng mà đã từng sử dụng trống đồng trong lịch sử (5).

Đền Đồng Cổ ở xã Hoàng Minh: Đền Đồng Cổ ở xã Hoàng Minh, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa, là ngôi đền "vọng" thờ thần trống đồng ở Đan Nê, Yên Định, Thanh Hóa. Ngôi đền có tên là "Liên Hoa Linh Từ" có thể do địa thế của ngôi đền giống một đóa hoa sen. Theo bản thần tích "Sự tích tôn thần, bản miếu", đền thờ thần trống đồng, được xây từ thời Lý Thái Tổ. Từ đó về sau đền được gọi là đền Quốc Tế, hàm ý vị trí lễ tế của làng xứng tầm Quốc gia, chứ không chỉ một vùng. Trong đền hiện còn lưu giữ gần 30 đạo sắc phong của thời Lê và thời Nguyễn ghi lại công đức của thần trống đồng.

Đền Đồng Cổ ở phố Thụy Khuê: Đền Đồng Cổ ở phố Thụy Khuê thuộc phường Bưởi, Hà

Nội cũng thờ trống đồng. Từ thời Lý, đền Đồng Cổ Thụy Khuê đã là nơi quần thần tập hợp nhau trong hội thể “Trung Hiếu”, mở đầu là sự kiện dẹp loạn Tam Vương trong thời Lý Thái Tông (3). Theo chúng tôi, đền thờ Đồng Cổ ở phố Thụy Khuê hiện nay là đền thờ “vọng” của đền thờ Đồng Cổ ở Đan Nê (Thanh Hóa). Có lẽ chính cái vị trí ngay gần thành Thăng Long (bên hữu thành) nên đã được Lý Thái Tông chọn để xây dựng đền thờ “vọng” cho tiện hàng năm làm lễ hội thể “Trung Hiếu” có đủ các quan văn võ triều Lý kéo nhau ra uống máu ăn thề. Đó cũng là một cách dùng thần linh, Thần quyền để củng cố quyền lực của Vương quyền.

Miếu Đồng cổ ở Nguyên Xá: Miếu Đồng cổ tại thôn Nguyên Xá (còn gọi là đình Nguyên Xá), thờ Thành hoàng là “Đương Cảnh Thành Hoàng Giám Thệ Đại Vương Đồng Cổ Sơn Thần”, tức là thần trống đồng. Theo kết quả khảo sát của Trịnh Sinh, trong miếu thờ còn bài vị, long ngai, các sắc phong của nhà Tây Sơn (1 đạo) và nhà Nguyễn (8 đạo). Ngôi miếu này cũng là nơi thờ vọng đền Đồng Cổ ở Thụy Khuê, Hà Nội.

Đình Vân Trì: Đình Vân Trì, thuộc thôn Vân Trì, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội được xây dựng vào thời Lê Trung Hưng. Đình còn lưu giữ hàng chục đạo sắc phong từ thời Lê đến thời Nguyễn. Thành hoàng thờ ở đình là thần núi Đồng Cổ. Hội làng cũng vào ngày 04 tháng 4 trùng với ngày “Hội thể Trung Hiếu” của đền Đồng Cổ Thụy Khuê.

3. Các nguồn tư liệu về thần Đồng Cổ

Để hiểu rõ hơn về vị thần Đồng Cổ được thờ trong các di tích nêu trên, có thể lược dẫn một số nguồn tư liệu sau:

Trong cuốn sách *Di tích Núi và đền Đồng Cổ* do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa cùng Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử của Thanh Hóa ấn hành cho rằng “Từ thời Hùng Vương, nhà Vua đi dẹp loạn Hồ Tôn xâm lược ở Phương Nam. Đại quân theo đường núi tiến đến chân núi Khả Lao (nay là làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, Thanh Hóa) nghỉ quân ở đó, đêm đến nhà Vua mộng gặp thần núi này xin có trống đồng, dùi đồng và giúp nhà vua đánh giặc, nhà Vua tỉnh dậy làm theo

lời, khi đối trận với giặc, nghe trên không âm vang tiếng trống, tiếng kiếm kích quân giặc sợ hãi bỏ chạy. Khi thắng trận trở về, Vua Hùng phong cho thần núi Khả Lao là “Đồng Cổ Đại Vương”, cho xây miếu thờ thần để nhớ công lao của thần, lại cho đúc trống đồng, ngựa đồng để thờ”(4).

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Khi vua (Lê Đại Hành) đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cổ đến sông Bà Hòa, đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa mỏi mệt, đường biển thì sóng to khó đi lại, bèn sai người đào kênh. Đến đây đào xong, thuyền bè đi lại đều được thuận tiện” (1). Như vậy, có sự tồn tại của một ngọn núi xứ Thanh có tên là núi Trống Đồng. Có lẽ miếu thờ thần trống đồng được dựng khá sớm ở đây, tuy rằng niên đại khởi dựng của ngôi miếu này chưa được xác định chính xác, nhưng có thể sớm hơn niên đại của đền Đồng Cổ ở phố Thụy Khuê, tức là sớm hơn thời Lý Thái Tông.

Đến thời nhà Lý, Thái tử Lý Phật Mã vâng lệnh vua cha là Lý Thái Tổ đem quân đi dẹp giặc Chiêm Thành ở phía Nam, khi đến bến Trường Châu dưới chân núi Tam Thai đóng quân tạm nghỉ tại ngôi đền bên núi, trong đền thờ có một trống đồng và hai con ngựa bằng đồng. Canh ba đêm đó, trong cõi mộng lung, Thái tử chợt thấy một dị nhân cao tám thước, mày râu sắc nhọn, khoác chiến bào, tay cầm binh khí đứng trước Thái tử mà râu rắng: “*Tôi là thần núi Đồng Cổ, nghe tin ngài đi đánh giặc, tôi xin phép giúp*”. Thái tử vỗ tay khen ngợi và tỉnh giấc, hôm sau ra trận quả nhiên thắng lớn. Khi về qua bến Trường Châu, Thái tử dùng chân vào đến lễ tạ thần và xin được rước thần về kinh đô giữ nước hộ dân. Khi còn đang băn khoăn chưa biết chọn nơi nào mà xây cho được tốt lành thì ngay đêm ấy Thái tử lại được thần báo mộng “xin lập đền ở bên hữu trong đại thành, sau chùa Thánh Thọ. Do vậy, Thái tử cho xây dựng nay là ngôi đền thuộc phố Thụy Khuê, phường Bưởi, Hà Nội (4). Ngoài ra, tư liệu sắc phong còn lưu giữ được ở một số di tích đều cho thấy thần Thành hoàng làng là “Đồng Cổ Sơn Thần”. Hiện nay, trong hồ sơ các di tích và nhiều nguồn tư liệu chưa nhất quán việc các di

tích thờ trống đồng như một vị thần hay là thờ vị thần núi gắn với trống đồng.

Qua các nguồn tư liệu trên, chúng ta thấy khá rõ thần Đồng Cổ là vị thần Núi gắn với sự tích về trống đồng đã có công giúp nhiều đời Vua đánh giặc và dẹp loạn. Như vậy, đền Đồng Cổ là đền thờ thần núi Đồng Cổ - vị thần Núi luôn cần có vũ khí trống đồng để đánh đuổi giặc. Trống đồng như một binh khí rất thiêng, ra trận có trống đồng mang theo khi nghe tiếng trống đồng giặc đều tan biến hết. Vì vậy, trống đồng thờ ở các di tích có thể hiểu đó là hiện tượng thờ một báu vật linh thiêng như một thứ vũ khí - binh khí kỳ diệu gắn với vị thần núi Đồng Cổ có công giúp Vua đánh giặc và dẹp loạn. Xét trên phương diện chức năng của trống đồng thì từ xưa dân tộc ta đã có tín ngưỡng thờ trống đồng cầu mưa. Nhìn rộng hơn nữa ở các nước có trống đồng khi người dân ốm đau cũng đem trống đồng ra cúng, mặc dù hàm chứa yếu tố duy tâm, nhưng rõ ràng trống đồng là di vật có yếu tố linh thiêng và bí ẩn cần được tiếp tục được nghiên cứu.

Tóm lại, Việt Nam là một đất nước có nhiều trống đồng cổ phát hiện trong lòng đất, chứng tỏ từ thời văn hóa Đông Sơn, cư dân Việt cổ đã từng đúc, sử dụng trống đồng. Việc tôn vinh trống đồng bằng cách “nhân cách hóa”, “thần thánh hóa” thần Trống Đồng là một tâm thức “uống nước nhớ nguồn” của người Việt. Việc có mặt của các ngôi đền thờ thần trống đồng nói trên chứng minh trống đồng là một hiện vật quý đối với người Việt cổ và là di sản quý của cha ông chúng ta trong nhiều thế kỷ.

Sự tích của vị thần trống đồng và trống đồng được gắn với nhiều biến động của lịch sử (giúp Vua lý dẹp loạn Tam Vương, củng cố xã tắc, chứng giám trong Hội thề của nhà nước Đại Việt là hội thề “Trung Hiếu”, núi Đồng Cổ bị sạt lở, các quan phải về làm lễ cầu cúng...) đã chứng tỏ vai trò của trống đồng trong tâm linh của người Việt nói chung và nhà nước Đại Việt nói riêng là vô cùng quan trọng.

Ngày nay, trống đồng không chỉ là vật linh để thờ mà còn là vật chứng lịch sử quan trọng, là nguồn sử liệu gốc độc đáo chứa đựng biết bao thông tin của thời kỳ dựng nước. Với hệ

thống hoa văn phong phú, đa dạng, khi giải mã tường tận sẽ giúp chúng ta hiểu toàn cảnh lịch sử văn hóa xã hội ở giai đoạn này. Mặt khác, trống đồng cũng chứng minh sự phát triển đỉnh cao của văn hóa Đông Sơn qua kỹ thuật và nghệ thuật luyện kim đúc đồng.

Đến nay, đã có hàng trăm công trình nghiên cứu trống đồng mà dường như vẫn còn nhiều điều cần khám phá. Chức năng của trống đồng trong suốt chiều dài lịch sử luôn có sự ứng dụng phù hợp với từng thời kỳ của chủ nhân sở hữu. Thực tế đã có những tranh luận rằng trống đồng chức năng là trống để “thờ” hay trống để “đánh” trong các dịp lễ hội, sự kiện quan trọng. Chính vì vậy, rất cần có sự nghiên cứu, đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản trống đồng nói chung và bảo vệ các di tích đền thờ thần Trống Đồng rói riêng. Đồng thời, trong bối cảnh xã hội hiện nay, việc nghiên cứu khôi phục hội thề “Trung Hiếu” ở các di tích thờ thần Đồng Cổ là cần thiết có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn.

N.S.T

(TS., Trưởng khoa Di sản Văn hóa
Trường ĐHVH HN)

Tài liệu tham khảo

1. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), Bản in Nội các quan bản (1697), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Phạm Minh Huyền, Trịnh Sinh, Nguyễn Văn Huyền (1987), *Trống Đông Sơn*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. *Quốc sử quán triều Nguyễn* (bản dịch) (1998), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử (2009), *Di tích Núi và đền Đồng Cổ*, Nxb. Thanh Hóa.
5. Trịnh Sinh (1975), *Báo cáo điều tra Đan Nê Thượng* (Thanh Hóa), Tài liệu đánh máy lưu tại Viện Khảo cổ. Hồ sơ ký hiệu PTL: HS 192.

Ngày nhận bài: 27 - 8 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 12 - 9 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 30 - 9 - 2017